

Tên:

Lớp: S6....

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



Từ vựng & Ngữ pháp:.....

Nghe:.....

Mini Test:.....

Space exploration - Vocabulary & Presentation

❖ Lưu ý: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.

A. VOCABULARY

❖ Space exploration

| No. | Word | Meaning | No. | Word | Meaning |
|-----|--------------------------|--------------|-----|--------------------------|--------------------------|
| 1 | black hole (n) | hố đen | 8 | space station (n) | trạm vũ trụ |
| 2 | comet (n) | sao chổi | 9 | space shuttle (n) | tàu con thoi, tàu vũ trụ |
| 3 | constellation (n) | chòm sao | 10 | orbit (n/v) | quỹ đạo / bay quanh |
| 4 | galaxy (n) | thiên hà | 11 | Milky Way (n) | dải Ngân Hà |
| 5 | gravity (n) | lực hấp dẫn | 12 | telescope (n) | kính thiên văn |
| 6 | light year (n) | năm ánh sáng | 13 | atmosphere (n) | khí quyển |
| 7 | meteor (n) | sao băng | | | |

❖ Extra vocabulary

| No. | Word | Meaning | No. | Word | Meaning |
|-----|---------------------------|---------------|-----|-----------------------------|--------------------|
| 1 | measure (v) | đo, đo lường | 4 | wash up (phr.v) | rửa chén/bát |
| 2 | solar system (n) | hệ Mặt Trời | 5 | beginner (n) | người mới bắt đầu |
| 3 | take a break (phr) | nghi giải lao | 6 | give sb a call (phr) | gọi điện cho ai đó |

❖ Note : n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ đặc biệt;
phr = phrase: cụm từ; sb = somebody: ai đó.

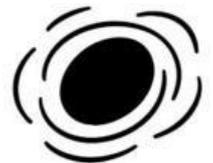
❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

Exercise 1: Fill in the blanks with the correct words from the box below.

| | | | | | |
|-------------------|-----------|--------|-------|----------------|------------|
| <i>black hole</i> | Milky Way | galaxy | comet | constellations | light year |
|-------------------|-----------|--------|-------|----------------|------------|

Space is a very interesting place. One of the most amazing things in space is a (0) black hole. A black hole is a place where gravity is so strong that nothing can escape from it, not even light.



In space, we can also see comets. A (1) _____ is a big ball of ice and dust that moves through the sky. Sometimes, people see (2) _____.

A constellation is a group of stars that make a shape in the sky.

Our home, the Earth, is in the (3) _____, which is our galaxy. A (4) _____ is a large group of stars, planets, and other space objects. We measure distances in space in light years. One (5) _____ is the distance light travels in one year, which is very far!



Exercise 2: Choose the words/phrases that have the CLOSEST meaning with the bold words.

0. A **meteor** shot across the night sky.

- (A) a falling star B. a spaceship C. a bright planet

1. The astronauts live and work on a **space station** for several months.

- A. space clothes B. space camera C. space lab

2. The **space shuttle** went to space.

- A. fuel tank B. space vehicle C. space tool

3. The Moon moves in **orbit** around Earth.

- A. shine B. light C. path

4. She used a **telescope** to see stars.

- A. star viewer B. big glasses C. space screen

5. The **Milky Way** contains billions of stars.

- A. a galaxy that includes our solar system B. a very large moon C. a planet

Exercise 3: Combine the sentences using relative pronouns.

0. Mary is having a child. She lives two flats away from us.

→ Mary, who lives two flats away from us, is having a child.

1. The film was really interesting. We saw it last Saturday.

→ The film, _____, was really interesting.

2. That's the dog. It chased our cat yesterday.

→ That's the dog _____.

3. The student is very smart. You interviewed him.

→ The student _____ is very smart.

4. My laptop is broken. It was very expensive.

→ My laptop, _____, is broken.

5. Mr. Thomas is our teacher. We all like him a lot.

→ Mr. Thomas, _____, is our teacher.



Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-1_test-01_part-3

PART 3**QUESTIONS 11–15**

For each question, choose the correct answer.



You will hear two friends, Richard and Barbara, talking about a new supermarket.

- 11 What surprised Richard when he went to the supermarket?
- A its size
 - B the time it opens
 - C the number of people there
- 12 This week, there are discounts on
- A meat.
 - B fruit.
 - C vegetables.
- 13 What did Richard like most about the supermarket?
- A the café
 - B the staff
 - C the music
- 14 What problem did Richard have at the supermarket?
- A He didn't have any cash.
 - B He had to wait before he could pay.
 - C He couldn't use his credit card.
- 15 What does Barbara say about the car park?
- A It's only for customers.
 - B It's quite far from the entrance.
 - C It's difficult to find.

Con làm bài nghe theo link sau:

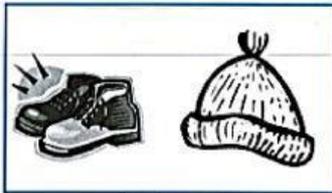
<https://soundcloud.com/ms-chi-english/succeed-in-cambridge-b1-preliminary-test-5-part-1>

PART 1 Questions 1-7

For each question, choose the correct answer.



1. What did the boy's uncle buy him for Christmas?



A



B



C

2. What job does Michelle's father do?



A

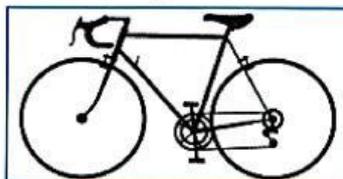


B



C

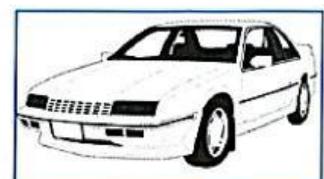
3. How will Steve get to school tomorrow?



A



B



C

4. What will the weather be like on Saturday?



A



B

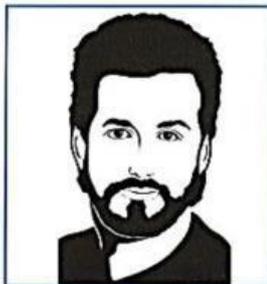


C

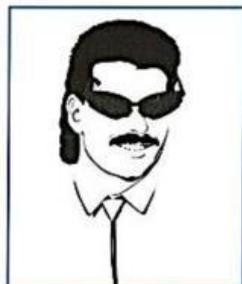
5. Who robbed the bank?



A



B



C

6. What will the woman do last?



A

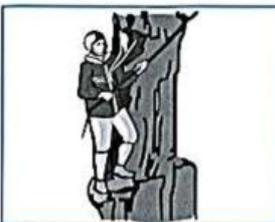


B



C

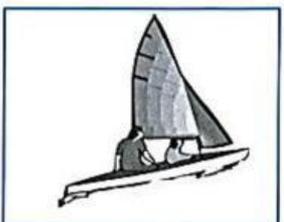
7. What does the man want to do at the weekend?



A



B



C